TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH BẢO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 15-3-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 11-10-2022 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-02-2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 17/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03-3-2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị L; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn CH, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn TC, xã TC, huyện TL, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Kim Th; nơi cư trú: Thôn CH, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Trần Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Kim Th kết hôn với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 13-02-

2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, không tin tưởng nhau trong quan hệ hôn nhân nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải và bản thân chị đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay được 03 năm, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Kim Th.

Về con chung: Chị và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Kim Nhật T, sinh ngày 22-10-2012 và Nguyễn Kim Việt A, sinh ngày 18-10-2017. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Việt A còn giao cháu Nhật T cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chị tự thỏa thuận với anh Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xin tự thỏa thuận với anh Th, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Kim Th vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng tại Toà án và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Quá trình giải quyết vụ án Toà án nhân dân huyện Vĩnh Bảo đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thì xác định được: Hiện anh Nguyễn Kim Th đang cư trú tại Thôn CH, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; về quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Th như nội dung chị L trình bày là đúng. Quá trình chung sống chị L và anh Th có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung, hiện chị L đã về gia đình mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi; về con chung: Chị L và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Kim Nhật T, sinh ngày 22-10-2012 đang sinh sống cùng anh Th và Nguyễn Kim Việt A, sinh ngày 18-10-2017 đang sinh sống cùng chị L. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn và nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền: Đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Trần Thị L ly hôn với anh Nguyễn Kim Th; giao con chung Nguyễn Kim Nhật T, sinh ngày 22-10-2012 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Kim Việt A, sinh ngày 18-10-2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn là chị Trần Thị L có đơn xin ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Kim Th có nơi cư trú tại xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và nguyên đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Kim Th kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng vào ngày 13-4-2012. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L xin ly hôn nhưng anh Th không có quan điểm về việc chị L xin ly hôn với anh. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh Th không đến Toà án để hoà giải, tại hai phiên toà anh Th đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan, từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Th đã trầm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị L xin ly hôn với anh Nguyễn Kim Th.

[4] Về con chung: Chị L và anh Th có 02 con chung là Nguyễn Kim Nhật T, sinh ngày 22-10-2012 hiện đang sinh sống cùng anh Th và Nguyễn Kim Việt A, sinh ngày 18-10-2017 hiện đang sinh sống cùng chị L. Khi ly hôn, chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Việt A và giao cháu Nhật T cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh Th không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, cháu Việt A còn nhỏ, hiện đang sinh sống cùng với chị L, chị L có việc làm và có thu nhập ổn định có đủ điều kiện đảm bảo được việc nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung tốt còn cháu Nhật T đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được ở với bố và thực tế cháu Nhật T vẫn sinh sống cùng với anh Th. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Kim Việt A cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao cháu Nguyễn Kim Nhật T cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị L và anh Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh Th không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Kim Th.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Kim Việt A, sinh ngày 18-10-2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Nguyễn Kim Nhật T, sinh ngày 22-

10-2012 cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuân, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0002373 ngày 11-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hải Phòng;
- VKSND Thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã CH, huyện VB;
- Đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh